
**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON
(FCN)**

www.fecon.com.vn

MÃ SỐ: DL.01

**Phiên bản 4.0
Hà Nội, tháng 04 năm 2013**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
ĐIỀU 4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY ..	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
ĐIỀU 5. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
ĐIỀU 6. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU	8
ĐIỀU 7. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	9
ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	9
ĐIỀU 9. THU HỒI CỔ PHẦN.....	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
ĐIỀU 10. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
ĐIỀU 11. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	10
ĐIỀU 12. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....	11
ĐIỀU 13. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 15. ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN.....	14
ĐIỀU 16. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	15
ĐIỀU 17. TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
ĐIỀU 18. ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	16
ĐIỀU 19. THỂ THỨC TIỀN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	17
ĐIỀU 20. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
ĐIỀU 21. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.	19
ĐIỀU 22. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
ĐIỀU 23. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
ĐIỀU 24. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
ĐIỀU 25. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
ĐIỀU 26. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
ĐIỀU 28. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	27

ĐIỀU 29.	TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	27
ĐIỀU 30.	CÁN BỘ QUẢN LÝ	27
ĐIỀU 31.	BỒNHIỆM, MIỄNNHÌỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	27
ĐIỀU 32.	THƯ KÝ CÔNG TY	29
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ		
		29
ĐIỀU 33.	TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	29
ĐIỀU 34.	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI. ..	29
ĐIỀU 35.	TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	31
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT		31
ĐIỀU 36.	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	31
ĐIỀU 37.	BAN KIỂM SOÁT	32
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY		33
ĐIỀU 38.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	33
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN		34
ĐIỀU 39.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		34
ĐIỀU 40.	CỔ TỨC	34
ĐIỀU 41.	CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN		35
		35
ĐIỀU 42.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	35
ĐIỀU 43.	TRÍCH LẬP QUỸ	36
ĐIỀU 44.	NĂM TÀI KHÓA	36
ĐIỀU 45.	HỆ THỐNG KẾ TOÁN	36
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG		36
		36
ĐIỀU 46.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, SÁU THÁNG, HÀNG QUÝ	36
ĐIỀU 47.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	37
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY		37
ĐIỀU 48.	KIỂM TOÁN	37
CHƯƠNG XVII. CON DẤU		38
ĐIỀU 49.	CON DẤU	38
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CỦA CÔNG TY		38
ĐIỀU 50.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	38
ĐIỀU 51.	TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG	38
ĐIỀU 52.	GIA HẠN HOẠT ĐỘNG.	39
ĐIỀU 53.	THANH LÝ.	39
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		40

ĐIỀU 54.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
CHƯƠNG XX. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY		41
ĐIỀU 55.	CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY	41
CHƯƠNG XXI. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ		41
ĐIỀU 56:	TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ	41
CHƯƠNG XXII. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....		41
ĐIỀU 57.	QUY CHẾ, LUẬT SƯ, TƯ VẤN.....	41
ĐIỀU 58:	TUÂN THỦ PHÁP LUẬT.	42
ĐIỀU 59:	SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	42
CHƯƠNG XXIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		42
ĐIỀU 60.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	42
ĐIỀU 61:	HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	43
PHỤ LỤC I. CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN		44
PHỤ LỤC II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY		46
PHỤ LỤC III. CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY.....		47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (dưới đây gọi là "**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006 (Sau đây gọi tắt là "**Luật Doanh nghiệp**") và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,

Điều lệ này được thông qua bởi ĐHĐCĐ vào ngày 19 tháng 04 năm 2013, thay thế cho Điều lệ được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/03/2011, được sửa đổi bổ sung phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101502599, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2004; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/04/2013.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này sẽ được hiểu như sau:

- 1.1. "**Địa bàn Kinh doanh**" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2. "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là số vốn do tất cả các Cổ đông hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- 1.3. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- 1.4. "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu.
- 1.5. "**Ngày thay đổi đăng ký kinh doanh**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi theo từng lần.
- 1.6. "**Cán bộ quản lý**" là Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, Phó giám đốc (Phó tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- 1.7. "**Những người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.
- 1.8. "**Thời hạn hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại điều 2 của điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

- 1.9. **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.10. **"Đại hội đồng Cổ đông"** sau đây được gọi tắt là **"ĐHĐCĐ"**
- 1.11. **"Hội đồng Quản trị"** sau đây được gọi tắt là **"HĐQT"**
- 1.12. **"Ban Kiểm soát"** sau đây được gọi tắt là **"BKS"**
- 1.13. **"Tổng Giám đốc"** sau đây được gọi tắt là **"TGD"**
- 1.14. **"Cổ đông"** có nghĩa là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
- 1.15. **"Cổ đông sáng lập"** là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty hoặc là người nhận chuyển nhượng vốn để trở thành cổ đông sáng lập thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp.
- 1.16. Quy định tham chiếu:
- a) Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- b) Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.
- c) Các từ hoặc thuật ngữ nào được quy định trong Điều lệ này mà mâu thuẫn với định nghĩa đã được quy định trong Luật Doanh nghiệp thì áp dụng theo Luật Doanh nghiệp ngoại trừ các quy định chi tiết, cụ thể hơn so với định nghĩa trong Điều lệ này hoặc chưa được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.

2.1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Tên tiếng Anh : FECON FOUNDATION ENGINEERING AND UNDERGROUND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch : FECON

Tên viết tắt : FECON

2.2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ chính : Tầng 15, Tháp CEO, HH2-1, Khu đô thị mới Mỹ Trì, đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Địa điểm kinh doanh : Tầng 15, Tháp CEO, HH2-1, Khu đô thị mới Mỹ Trì, đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 04.62690481/ 82/ 83

Fax : 04.62690484

Email : info@fecon.com.vn

Website : www.fecon.com.vn

2.3. Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp

- nhân phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2.4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức vụ Tổng Giám đốc theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ.
 - 2.5. Công ty có thể thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp Nghị quyết của HĐQT và quy định pháp luật liên quan. Công ty con được thành lập, hoạt động theo quy định tại Điều lệ của công ty con sau khi có quyết định phê chuẩn của HĐQT của Công ty mẹ. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chi nhánh và Văn phòng đại diện thực hiện theo Quy chế do HĐQT phê chuẩn. Danh sách công ty con, công ty liên kết, chi nhánh và/hoặc văn phòng đại diện của Công ty được lập đính kèm tại Phụ lục I của Điều lệ này và được sửa đổi, bổ sung khi Công ty tiến hành đăng ký thành lập, thay đổi thông tin về công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện.
 - 2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 50.2 và điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty được quy định tại Phụ lục II của Điều lệ này. Khi xét thấy cần thiết, Công ty có thể tiến hành bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép mà HĐQT xét thấy có lợi nhất cho Công ty và phê chuẩn sau khi báo cáo và được sự nhất trí của ĐHĐCĐ thông qua bằng một Nghị Quyết tại cuộc họp gần nhất.
- 3.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, giàu mạnh, bằng nỗ lực sáng tạo trong khoa học, kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mọi thành viên của mình điều kiện phát triển đầy đủ nhất tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

ĐIỀU 4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- 4.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 4.2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 5. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

- 5.1. Vốn điều lệ của Công ty là số vốn được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty. Vốn điều lệ của Công ty và danh sách cổ đông được quy định chi tiết trong Phụ lục III kèm theo điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ và danh sách cổ đông trong Phụ lục III được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát

hành theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Mệnh giá thống nhất của 01 cổ phần là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng/một cổ phần).

- 5.2 Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt.
- 5.3. Công ty chỉ phát hành cổ phần ưu đãi nhân viên cho người lao động của Công ty.
- 5.4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi nhân viên. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
- 5.6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 5.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 5.8 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

- 6.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6.7 của Điều 6.
- 6.2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

- 6.3. Theo các quy định của điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.
- 6.4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 6.5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
- 6.6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 6.7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 7. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 8.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 9. THU HỒI CỔ PHẦN

- 9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 9.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối

với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT sẽ chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

- 9.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị Công ty có thể bán, phân phối hoặc xử lý theo một cách nào đó hoặc cho người đã từng nắm giữ số cổ phần đó trước khi bị thu hồi hay nộp lại, hoặc cho một người khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy phù hợp. Nếu cần, HĐQT có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao số cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
- 9.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi hay đã nộp lại sẽ mất tư cách là Cổ đông đối với số cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 9%/năm) theo quyết định của HĐQT kể từ ngày bị thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.
- 9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 10. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT:

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Tổng Giám đốc;
- d) Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 11. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

- 11.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 11.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- a) Tham gia các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - b) Nhận cổ tức;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham

- gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
 - j) Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên:
Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ trường hợp quy định dưới đây:
 - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên không được chuyển nhượng cho người khác kể từ ngày phát hành trong thời hạn tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi nhân viên, trừ trường hợp Công ty mua lại theo quy định dưới đây.
 - Nếu cổ đông không còn làm việc cho Công ty, Công ty có quyền mua lại theo giá phát hành toàn bộ số cổ phần ưu đãi của cổ đông đó tính tới thời điểm nghỉ việc cho Công ty. Trường hợp công ty thực hiện quyền mua lại, nếu cổ đông đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho Công ty thì Công ty tự làm thủ tục và thông báo cho cổ đông đó đến nhận tiền. Tại thời điểm Công ty mua lại, số cổ phần ưu đãi nhân viên này được giữ làm cổ phiếu quỹ và HĐQT có quyền quyết định tái phân phối những cổ phiếu này cho nhân viên Công ty với cùng mục đích ưu đãi hoặc bán ra thị trường, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy phù hợp.
- 11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a) Đề cử các thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 24.2, Điều 24 và Khoản 36.2 Điều 36 Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ;
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 12. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Các Cổ đông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

- 12.1. Tuân thủ điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của

ĐHĐCĐ, HĐQT;

- 12.2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 12.3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 12.4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 12.5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
- 12.6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 13. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 13.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, thời hạn họp ĐHĐCĐ thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 13.2. **Đại hội đồng cổ đông thường niên:** ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức tại địa điểm phù hợp ở Việt Nam do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- 13.3. **Đại hội đồng cổ đông bất thường:**
 - 13.3.1. ĐHĐCĐ bất thường phải được HĐQT triệu tập trong thời hạn 30 ngày các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy;
 - c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn Điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ.
 - d) Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các

thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

13.3.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Đại hội đồng cổ đông bất thường được thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện cho trên 5% tổng số vốn biểu quyết triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Khi số lượng thành viên HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày phát sinh hiện tượng này.
- b) Nếu HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- c) Nếu Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông đại diện cho trên 5% số vốn biểu quyết có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- d) Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- e) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

14.1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- (a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- (b) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- (c) Báo cáo của HĐQT;
- (d) Báo cáo của các kiểm toán viên;
- (e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; và

14.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- c) Số lượng thành viên của HĐQT;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành.
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
- g) Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 5.1, Điều 5, Điều lệ này;

- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l) Thông qua giao dịch mua, bán tài sản, đầu tư, góp vốn liên doanh, hợp đồng vay, cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
 - m) Công ty mua lại hơn 10% cổ phần thuộc bất kỳ loại nào phát hành;
 - n) Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;
 - o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- 14.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Các hợp đồng quy định tại điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ các trường hợp sau:
 - Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho tất cả các cổ đông hiện hữu;
 - Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - Hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 14.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 15. ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN.

- 15.1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 15.2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông

- và người được ủy quyền dự họp.
- d) Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 15.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).
- 15.4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 15.2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 16. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

- 16.1. Với sự chấp thuận của ĐHĐCĐ như được quy định tại Khoản 14.2, Điều 14 Điều lệ này khi vốn của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau, thì các quyền dành cho từng loại cổ phần có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
- 16.2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- 16.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
- 16.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 17. TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- 17.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại 13.3.2a hoặc Điều 13.3.2c

- 17.2 Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- 17.3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được gửi trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- 17.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 17.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 17.4 nêu trên trong các trường hợp sau:
- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
 - d) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
- 17.6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 17.7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- 18.1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

- 18.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 18.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 18.4. Theo đề nghị Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 17.4, Điều 17 của Điều lệ này.

ĐIỀU 19. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- 19.1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 19.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- 19.3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 19.4. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc là người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 19.5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 19.6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
- a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;

- b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc;
 - c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 19.7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 19.6 Điều 19 nêu trên, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 19.8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 19.9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.
- 19.10. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
- a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 19.11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);
 - b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
- 19.12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 20. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

- 20.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 20.2 dưới đây các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

- a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
 - c) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
- 20.2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

ĐIỀU 21. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

- 21.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 21.2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;
- 21.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 21.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định

- tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đầu không hợp lệ;
- 21.5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 21.6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 21.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 21.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

ĐIỀU 22. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 23. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định

của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- 23.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
- 23.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
- 23.3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 24.1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 24.2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- 24.3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 24.4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 24.5. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 24.6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
- 24.7. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 24.8. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

ĐIỀU 25. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- 25.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- 25.2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý.
- 25.3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc

- người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
 - l) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.
- 25.4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f) Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.
 - h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- 25.5. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
- 25.6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- 25.7. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 25.8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 25.9. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ

thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

- 25.10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 26. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 26.1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch và một số Phó Chủ tịch. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.
- 26.2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 26.3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- 26.4. Trường hợp cả Chủ tịch và các Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

ĐIỀU 28. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 28.1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 28.2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 28.3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b) Hai thành viên HĐQT;
 - c) Chủ tịch HĐQT;
 - d) Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- 28.4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 28.3 điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 điều 28 có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
- 28.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 28.6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 28.7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.
- 28.8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
- 28.8a. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
- 28.9. Biểu quyết.
- a) Trừ quy định tại Khoản 28.9 b) dưới đây, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c) Theo quy định tại Khoản 28.9 d) dưới đây, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT

- khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 34.4 (i), và Khoản 34.4 (ii), Điều 34 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 28.10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 28.11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- 28.12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng các phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
- 28.13. Nghị quyết bằng văn bản:
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.
- 28.14. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01)

- thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp
- 28.15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
- 28.16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 29. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành và một số Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành và các Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên HĐQT, và được HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

ĐIỀU 30. CÁN BỘ QUẢN LÝ

- 30.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 30.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.

ĐIỀU 31. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- 31.1. Bổ nhiệm. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 31.2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào

các quy định tại hợp đồng lao động. Những người sau đây không được làm Tổng Giám đốc điều hành: những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

- 31.3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
 - f) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
 - g) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
 - h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.
- 31.4. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 31.5. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu Chủ tịch hay thành viên HĐQT đó kiêm Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

ĐIỀU 32. THƯ KÝ CÔNG TY

- 32.1. HĐQT sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- a) Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
 - b) Làm biên bản các cuộc họp
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát.
- 32.2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

ĐIỀU 33. TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 34. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.

- 34.1. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 34.2. Thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc TGD điều hành và cán bộ quản lý thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 34.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

- 34.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
- a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 34.5. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
- 34.6. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, pháp luật hiện hành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- 34.7. Thành viên HĐQT, Thành viên ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các Doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này phải được niêm yết tại trụ sở chính theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này của Công ty.
- 34.8. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ:
- a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
 - b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.

- 34.9. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm (i) và (ii) khoản 34.8 Điều này.
- 34.10 Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

ĐIỀU 35. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

- 35.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 35.2 Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
- 35.3. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 36. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- 36.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
- Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
- 36.2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 36.3. Các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 37. BAN KIỂM SOÁT

- 37.1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
 - e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g) Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
 - h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 37.2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
- 37.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
- 37.4. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 38. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

- 38.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 38.2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 38.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 38.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 39. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

- 39.1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- 39.2. HĐQT Công ty đề ra quy chế chung về nhân công, ấn định mức tối đa tổng số nhân viên và quỹ lương của Công ty. Ban Giám đốc Công ty có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở định mức đó. Riêng đối với các chức vụ quan trọng của Công ty như Kế toán trưởng và một số các chức vụ khác như các trưởng phòng v.v.. do HĐQT Công ty quy định. TGD phải thông qua HĐQT Công ty trước khi bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng.
- 39.3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần. (Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc Công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).
- 39.4. Ưu tiên tuyển chọn con em Cổ đông của Công ty nhưng phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn đề ra.
- 39.5. Trong trường hợp người được thừa kế muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ tiêu chuẩn quy định mới được thay thế.
- 39.6. Tiền lương, các khoản tiền thưởng và phụ cấp đối với người lao động, thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động và căn cứ vào quy chế phân phối thu nhập, hiệu quả sản xuất hoạt động xuất kinh doanh của công ty.
- 39.7. Tùy tình hình thực tế và phù hợp với quy định pháp luật, Công ty có thể trích một tỷ lệ nhất định trong quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH để lập quỹ trợ cấp mất việc làm cho người lao động.
- 39.8. Người lao động trong công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của bản điều lệ này và bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của công ty đã đăng ký tại cơ quan Lao động địa phương theo qui định của Pháp luật lao động
- 39.9. Người lao động được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ luật lao động và pháp luật hiện hành.
- 39.10. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thoả thuận trong hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động và điều lệ, nội quy, kỷ luật của công ty và pháp luật nhà nước. Người vi phạm tùy theo mức độ nặng nhẹ đều bị xử lý kỷ luật, bồi thường vật chất theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 40. CỔ TỨC

- 40.1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề

- xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- 40.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- 40.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 40.4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 40.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- 40.6. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 40.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

ĐIỀU 41. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 42. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

- 42.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

- 42.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 42.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 43. TRÍCH LẬP QUỸ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo qui định của Pháp luật và do đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- b) Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Hàng năm công ty sẽ trích một khoản không lớn hơn 10% lợi nhuận sau thuế và không quá 3 tháng lương thực hiện của Công ty để làm Quỹ khen thưởng phúc lợi. Hội đồng quản trị trình mức trích lập cụ thể cho Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
- c) Quỹ đầu tư phát triển: Hàng năm, công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản tiền và quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vào nguồn tái đầu tư cho sự phát triển của công ty. Khoản trích này không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế.
- d) Các quỹ khác nếu có do HĐQT Công ty kiến nghị và được ĐHĐCĐ Công ty phê chuẩn hàng năm.

ĐIỀU 44. NĂM TÀI KHÓA

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

ĐIỀU 45. HỆ THỐNG KẾ TOÁN

- 45.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 45.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 45.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 46. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, SÁU THÁNG, HÀNG QUÝ

- 46.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như

các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

- 46.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính
- 46.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 46.4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.
- 46.5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 47. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo sáu tháng, báo cáo quý, báo cáo thường niên và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 48. KIỂM TOÁN

- 48.1. Tại ĐHĐCĐ thường niên sẽ thông qua 03 công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. HĐQT có quyền lựa chọn một trong ba (03) Công ty kiểm toán sau khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
- 48.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 48.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của

- công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- 48.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 48.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

ĐIỀU 49. CON DẤU

- 49.1. Con dấu của Công ty sẽ được khắc theo quy định của pháp luật và sẽ được HĐQT quyết định thông qua quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Công ty.
- 49.2. Con dấu của Công ty sẽ do TGD trực tiếp quản lý hoặc bàn giao cho một (01) cán bộ văn thư do trưởng phòng nhân sự đề xuất để trực tiếp quản lý và sử dụng con dấu theo quy chế do HĐQT Công ty ban hành. Con dấu không được phép sử dụng vào các mục đích không liên quan đến hoạt động của Công ty, không phục vụ cho lợi ích của Công ty.
- 49.3. Khi có thay đổi về nhân sự chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, TGD) con dấu phải được bàn giao ngay lập tức cho các nhân sự chủ chốt mới. Người nào quản lý, sử dụng con dấu trái quy định của công ty hoặc không chuyển giao con dấu cũng như những tài liệu quan trọng khác của Công ty dẫn đến cản trở hoạt động của Công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- 49.4 TGD sẽ quy định việc sử dụng con dấu của các chi nhánh, văn phòng đại diện.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 50. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

- 50.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
- a) Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty.
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 50.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 51. TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đề đơn khiếu nại

tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 51.1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
- 51.2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- 51.3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

ĐIỀU 52. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG.

- 52.1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.
- 52.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

ĐIỀU 53. THANH LÝ.

- 53.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn một số cán bộ trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập để làm cố vấn hoặc trợ lý cho Ban Thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 53.2 Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - a) Hoàn trả các chi phí thanh lý;
 - b) Hoàn trả các khoản tiền lương, Bảo hiểm xã hội mà Công ty còn nợ người lao động.
 - c) Trang trải các khoản nợ Nhà nước theo chế độ hiện hành.
 - d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp.
 - e) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không có thể chấp.
 - f) Phần còn lại chia cho các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần. Cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.
- 53.3 Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, nghiêm cấm người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:
 - a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
 - b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
 - c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Doanh nghiệp;
 - d) Ký kết hợp đồng mới nhằm thực hiện giải thể Doanh nghiệp;

- e) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
 - f) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
 - g) Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.
- 53.4 Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và BKS có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.
- 53.5 Phá sản Công ty:
- 53.5.1 Khi Công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến mức tại một thời điểm tổng số trị giá các tài sản còn lại của Công ty không đủ thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn thì Công ty lâm vào tình trạng phá sản.
- 53.5.2 Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, kể cả hoãn nợ mà doanh nghiệp vẫn không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, TGD phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT. TGD hoặc Chủ tịch HĐQT nộp đơn đến Tòa án nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản của doanh nghiệp. Khi đó, TGD và Chủ tịch HĐQT không được phép từ bỏ trách nhiệm của mình.
- 53.5.3 Các thành viên khác có quyền yêu cầu phá sản theo qui định của Luật phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 54. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

- 54.1 Mọi tranh chấp liên quan đến hoạt động của Công ty giữa (i) các Cổ đông Công ty hoặc (ii) giữa cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hoặc các cán bộ quản lý cao cấp khác hoặc (iii) giữa cổ đông với công ty được giải quyết trước hết bằng thương lượng hoà giải giữa các bên tranh chấp. Trường hợp không thương lượng, hoà giải được thì một bên hay các bên sẽ đưa vụ việc ra Ban hoà giải.
- 54.2 Ban hoà giải gồm 03 chuyên gia pháp lý không phải là cổ đông Công ty hoặc người thân thuộc của bất cứ cổ đông Công ty nào có liên quan đến tranh chấp đó.
- a) Tất cả các thành viên HĐQT và BKS Công ty, ngoại trừ các thành viên là một bên hoặc các bên có tranh chấp, cử ra các thành viên Ban hoà giải sau khi họp đồng ý bằng văn bản.
 - b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi có Biên bản thành lập Ban hòa giải do các thành viên của HĐQT và BKS công ty ký, Ban hoà giải phải đưa ra quyết định hòa giải về vụ việc tranh chấp sau khi đã tiến hành hòa giải, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày. Thù lao thành viên Ban hoà giải do Công ty đài thọ 30% và các bên tranh chấp đài thọ theo nguyên tắc phân chia đều nhau phần còn lại.
 - c) HĐQT và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm tạo các điều kiện để Ban hoà giải làm việc.
- 54.3 Quyết định của Ban hoà giải có hiệu lực bắt buộc với các bên tranh chấp. Việc xem xét lại hoặc công nhận Quyết định của Ban hoà giải tại Toà án trong mọi trường hợp đều do bên không tuân theo quyết định của Ban hoà giải chịu án phí.
- 54.4 Tranh chấp giữa Cổ đông Công ty và người chưa phải Cổ đông hoặc đã thôi tư cách Cổ đông Công ty trong việc mua bán Cổ phiếu, Cổ phần của Công ty cũng sẽ được Ban hoà

giải quyết nếu người không phải Cổ đông Công ty đồng ý triệu tập Ban hoà giải. Các điều khoản trên cũng được áp dụng tương tự trong trường hợp này.

- 54.5. Nếu Cổ đông tranh chấp là Chủ tịch HĐQT Công ty thì Cổ đông đó phải từ chức Chủ tịch HĐQT Công ty (nhưng không phải từ chức thành viên HĐQT Công ty)
- 54.6 Tranh chấp giữa Cổ đông trong công ty và Công ty nếu không hoà giải được sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để giải quyết theo quy tắc trọng tài của VIAC. Quyết định của Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế là chung thẩm có giá trị pháp lý bắt buộc giữa các bên. Mọi chi phí trọng tài do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.

CHƯƠNG XX CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 55. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

- 55.1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:
- a) Điều lệ Công ty kể cả bản bổ sung và/hoặc sửa đổi;
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm cả bản sao những Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi.
 - c) Nội quy và quy chế quản lý nội bộ khác.
 - d) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - e) Biên bản họp ĐHĐCĐ, Biên bản họp HĐQT, Biên bản thông qua nghị quyết bằng cách hỏi ý kiến và tất cả các quyết định đã được thông qua.
 - f) Kết luận của BKS hoặc của Kiểm soát viên;
 - g) Báo cáo quyết toán hàng năm;
 - h) Các tài liệu khác theo quyết định của HĐQT
- 55.2 Công ty phải lưu giữ các tài liệu nói trên cùng với Sổ đăng ký cổ đông và Sổ biên bản tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác nhưng phải thông báo công khai cho các Cổ đông Công ty và cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG XXI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ

ĐIỀU 56: TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ

Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG XXII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 57. QUY CHẾ, LUẬT SƯ, TƯ VẤN.

- 57.1 Quy chế:

- 57.1.1 Dựa trên cơ sở của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật HĐQT ban hành quy chế hoạt động của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Giám đốc, Các phòng ban, Chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ sở sản xuất kinh doanh trong Công ty.
- 57.1.2 Các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành của công ty mà mâu thuẫn với điều lệ này thì các quy định của Điều lệ này sẽ được ưu tiên áp dụng. HĐQT, TGD Công ty, bộ máy quản lý và các phòng, ban trong Công ty có liên quan trong phạm vi thẩm quyền của mình tổ chức việc sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ những quy chế, quy định trái với nội dung của Điều lệ này.
- 57.2 Luật sư, Tư vấn:
Việc thuê Luật sư, Tư vấn sẽ do TGD và/hoặc HĐQT Công ty quyết định. Đối với những việc không quá phức tạp hoặc giá trị không lớn sẽ do TGD Công ty quyết định.

ĐIỀU 58: TUÂN THỦ PHÁP LUẬT.

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Luật Doanh nghiệp Nhà nước, các văn bản pháp luật hiện hành. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty mà chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có các quy định pháp luật mới được ban hành khác với nội dung của Điều lệ này thì các quy định pháp luật đó được ưu tiên áp dụng ngay sau khi quy định pháp luật đó được ban hành. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT có trách nhiệm sửa đổi bổ sung Điều lệ này để trình ĐHĐCĐ gần nhất phê duyệt áp dụng cho phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 59: SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

- 59.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
- 59.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 60. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 60.1 Các điều khoản của Điều lệ này có thể được sửa đổi bổ sung theo nghị quyết của ĐHĐCĐ các lần tiếp theo.
- 60.2 Điều lệ này ràng buộc các lợi ích và nghĩa vụ đối với những người thừa kế và người được chuyển nhượng sau này của Công ty.
- 60.3 HĐQT, TGD, bộ máy giúp việc và các phòng, ban trong Công ty có liên quan trong phạm vi thẩm quyền của mình thực hiện việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ để hướng dẫn thi hành Điều lệ này nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ này.

ĐIỀU 61: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

- 61.1 Bản Điều lệ này gồm 23 Chương và 60 Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội cổ đông Công ty thông qua vào ngày 19 tháng 04 năm 2013, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 61.2 Điều lệ này là duy nhất và chính thức được áp dụng của Công ty và được lập 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau lưu tại trụ sở chính của Công ty. Trong quá trình giao dịch với đối tác, nếu xét thấy cần thiết, TGD có quyền quyết định việc dịch Điều lệ này sang ngôn ngữ khác để phục vụ lợi ích của Công ty. Nếu có nội dung khác nhau giữa hai ngôn ngữ, thì bản tiếng Việt có giá trị ưu tiên sử dụng.
- 61.3 Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



PHẠM VIỆT KHOA

PHỤ LỤC I

CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền Móng và Công trình Ngầm FECON)

I. CÔNG TY CON

1.1. Công ty TNHH Xử lý Nền đất yếu Fecon – Shanghai Harbour

Tên tiếng Anh: FECON – Shanghai Harbour Soft Soil Treatment Co., Ltd

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 011022000246 Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 25/9/2009 và điều chỉnh lần thứ nhất ngày 17 tháng 6 năm 2011.

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 6269.0481

Fax: 04.6269.0484

Email: info@fecon.com.vn

Website: www.fecon.com.vn

1.2. Công ty TNHH Đầu tư FECON

Tên tiếng Anh: FECON Investment Co., Ltd

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700222128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/04/2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/11/2011.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 0912.983.389

Email: business@fecon.com.vn

Website: www.fecon.com.vn

1.3. Viện Nền móng và Công trình ngầm

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ 262/ĐK-KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu Đô thị Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 6269 0482

Fax: (84-4) 6269 0615

Email: feconins@fecon.com.vn

Website: www.fecon.com.vn

1.4. Công ty Cổ phần FECON MILTEC

Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000190 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 21/11/2011, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 13/7/2012.

Địa chỉ: Lô NX-D2, KCN Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Điện thoại: (84-8) 38734900

Fax: (84-8) 38734901

II. CÔNG TY LIÊN KẾT:

2.1. Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Tên tiếng Anh: FECON Mining.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700252549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 02 năm 2013.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam

Điện thoại: 03513. 533.038

Fax: 0351.3533897

Email: info@fecon.com.vn

Website: www.feconmining.com.vn

III. ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

3.1. Trường THPT Ý Yên – tỉnh Nam Định:

Quyết định chuyển đổi số 266/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định ban hành ngày 24/02/2012.

Địa chỉ: xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0350.3823829

Email: tuthucyyen@gmail.com

Website: www.fecon.com.vn

IV. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

4.1. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FECON TẠI TP.HỒ CHÍ MINH:

Địa chỉ: Số 41, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Văn phòng Đại diện số 0101502599 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/05/2010, thay đổi lần 1 ngày 10/04/2012.

Điện thoại: 08. 3822 4556

Fax: 08. 3822 4557

Email: fecon.hcm@fecon.com.vn

Website: www.fecon.com.vn

4.2. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FECON TẠI TỈNH HÀ TĨNH:

Địa chỉ: Thông Hoành Nam, xã Kỳ Liên, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0913521388

Email: info@fecon.com.vn

Website: www.fecon.com.vn

PHỤ LỤC II

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON)

I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH ĐĂNG KÝ LẦN ĐẦU:

1. Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
2. Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
3. Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
4. Thí nghiệm kiểm tra tính nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
5. Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
6. Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
7. Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm;
8. Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
9. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
10. Buôn bán: vật tư, vật liệu, thiết bị, công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;
11. Vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách;
12. Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
13. Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
14. Dịch vụ kho vận;
15. Tư vấn, môi giới và kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
16. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
17. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
18. Mua bán, khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm)
19. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
20. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH BỔ SUNG, THAY ĐỔI.

PHỤ LỤC III
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY
(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON)

STT	THỜI ĐIỂM	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	GHI CHÚ
1	18/06/2004	5.000.000.000	
2	30/06/2006	10.000.000.000	
3	04/10/2007	50.000.000.000	
4	16/09/2009	88.000.000.000	
5	01/07/2010	107.000.000.000	
6	04/11/2011	128.400.000.000	
7	24/02/2012	138.051.620.000	
8	11/01/2013	165.663.280.000	